ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Số: 968 /QĐ-ĐHCNTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tặng giấy khen cho sinh viên Ngành Công nghệ Thông tin
Đạt thành tích tốt Trong học tập và rèn luyện
Học kỳ 2 năm học 2021 - 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Căn cứ Quyết định số 134/2006/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghệ Thông tin thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM);

Căn cứ Quyết định 867/QĐ-ĐHQG ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Giám đốc ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của trường đại học thành viên và khoa trực thuộc ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-ĐHCNTT-CTSV ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin về việc ban hành Quy chế Công tác sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thông tin, ĐHQG-HCM;

Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên học kỳ 2 năm học 2021 - 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen cho 328 sinh viên Ngành Công nghệ Thông tin đạt thành tích tốt trong học tập và rèn luyện học kỳ 2 năm học 2021 - 20212 (theo danh sách đính kèm).

Điều 2: Sinh viên được nhận giấy khen của Ban Giám hiệu Nhà trường.

Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng các Khoa, Phòng Ban chức năng có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Nguyễn Tấn Trần Minh Khang

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CÓ THÀNH TÍCH HỌC TẬP VÀ RÈN LUYỆN TỐT HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2021-2022

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 968 /QĐ-ĐHCNTT ngày 15 tháng 11 năm 2022)

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
1.	18520253	Trần Việt Anh	CNCL2018	8.77	100	Giỏi
2.	18520610	Hồ Việt Đức	CNCL2018	9.07	100	Xuất sắc
3.	18520653	Võ Đông Dương	CNCL2018	8.16	81	Giỏi
4.	18521039	Nguyễn Hoàng Bảo Long	CNCL2018	8.29	100	Giỏi
5.	18521064	Ngô Đình Luân	CNCL2018	8.51	100	Giỏi
6.	18521080	Lê Tuyết Mai	CNCL2018	8.88	100	Giỏi
7.	18521106	Nguyễn Lê Minh	CNCL2018	9.03	98	Xuất sắc
8.	18521225	Lê Thị Hồng Oanh	CNCL2018	8.61	100	Giỏi
9.	18521262	Lê Minh Phước	CNCL2018	8.63	81	Giỏi
10.	18521284	Huỳnh Ngọc Quân	CNCL2018	8.61	81	Giỏi
11.	18521346	Lê Phùng Hoàng Sơn	CNCL2018	8.12	96	Giỏi
12.	18521595	Hoàng Anh Tuấn	CNCL2018	8.38	96	Giỏi
13.	19520028	Nguyễn Minh Cường	CNCL2019.1	8.09	100	Giỏi
14.	19520440	Võ Nhật Cường	CNCL2019.1	8.5	100	Giỏi
15.	19520461	Lê Thị Thúy Diễm	CNCL2019.1	8.33	84	Giỏi
16.	19520529	Phan Quang Hậu	CNCL2019.1	9.29	100	Xuất sắc
17.	19520748	Đặng Hữu Nam	CNCL2019.1	8.03	100	Giỏi
18.	19520750	Huỳnh Nhật Nam	CNCL2019.1	8.77	100	Giỏi
19.	19520777	Dương Bảo Ngọc	CNCL2019.1	8.63	100	Giỏi
20.	19520882	Phạm Thanh Quang	CNCL2019.1	8.07	96	Giỏi
21.	19520977	Đỗ Đức Thịnh	CNCL2019.1	8.04	96	Giỏi
22.	19521196	Lê Thị Minh Ánh	CNCL2019.1	9.06	100	Xuất sắc
23.	19521205	Nông Minh Anh	CNCL2019.1	8.41	100	Giỏi
24.	19521206	Phạm Hồng Anh	CNCL2019.1	8.16	85	Giỏi
25.	19521269	Phan Tấn Bình	CNCL2019.1	8.35	96	Giỏi
26.	19521361	Nguyễn Thị Nguyên Diệu	CNCL2019.2	9.03	100	Xuất sắc
27.	19521393	Mai Trọng Dũng	CNCL2019.2	9.24	100	Xuất sắc
28.	19521415	Trương Thị Thùy Dương	CNCL2019.2	8.34	100	Giỏi
29.	19521448	Nguyễn Trường Giang	CNCL2019.2	8.84	96	Giỏi
30.	19521455	Lưu Thị Ngọc Hà	CNCL2019.2	8.45	100	Giỏi
31.	19521487	Kha Di Hiền	CNCL2019.2	8.51	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
32.	19521489	Phan Nguyễn Thảo Hiền	CNCL2019.2	8.28	100	Giỏi
33.	19521496	Dương Chí Hiếu	CNCL2019.2	8.39	100	Giỏi
34.	19521526	Trần Hữu Hoàn	CNCL2019.2	8.27	86	Giỏi
35.	19521576	Nguyễn Việt Hưng	CNCL2019.2	8.33	100	Giỏi
36.	19521662	Lê Trần Nguyên Khang	CNCL2019.2	8.73	100	Giỏi
37.	19521664	Nguyễn Hà Duy Khang	CNCL2019.2	8.43	100	Giỏi
38.	19521691	Đỗ Lê Đăng Khoa	CNCL2019.2	8.45	100	Giỏi
39.	19521695	Nguyễn Hồ Minh Khoa	CNCL2019.2	8.85	81	Giỏi
40.	19521730	Đào Vĩnh Kỳ	CNCL2019.2	8.45	100	Giỏi
41.	19521846	Nguyễn Thanh Minh	CNCL2019.2	8.14	85	Giỏi
42.	19521852	Phùng Quang Minh	CNCL2019.2	8.83	100	Giỏi
43.	19521895	Lê Trung Nghĩa	CNCL2019.2	8.95	100	Giỏi
44.	19521898	Nguyễn Hiếu Nghĩa	CNCL2019.2	8.95	95	Giỏi
45.	19521925	Bùi Thành Nhân	CNCL2019.2	8.94	100	Giỏi
46.	19521959	Võ Anh Nhật	CNCL2019.2	8.28	100	Giỏi
47.	19521966	Ngô Châu Ngọc Nhi	CNCL2019.2	8.53	81	Giỏi
48.	19521975	Hoàng Minh Nhựt	CNCL2019.2	8.69	81	Giỏi
49.	19522011	Nguyễn Huy Phong	CNCL2019.2	8.8	90	Giỏi
50.	19522087	Tô Minh Quân	CNCL2019.3	8.04	100	Giỏi
51.	19522122	Nguyễn Quang Sang	CNCL2019.3	8.77	100	Giỏi
52.	19522140	Nguyễn Viết Sơn	CNCL2019.3	8.16	100	Giỏi
53.	19522145	Đinh Thị Diễm Sương	CNCL2019.3	8.5	100	Giỏi
54.	19522231	Lê Thị Phương Thanh	CNCL2019.3	8.87	100	Giỏi
55.	19522238	Nguyễn Lê Thanh	CNCL2019.3	8.5	100	Giỏi
56.	19522310	Phạm Hoàng Thư	CNCL2019.3	8.37	100	Giỏi
57.	19522322	Võ Đình Thục	CNCL2019.3	8.67	100	Giỏi
58.	19522340	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	CNCL2019.3	8.11	96	Giỏi
59.	19522375	Ngô Hồ Bích Trâm	CNCL2019.3	8.79	100	Giỏi
60.	19522441	Nguyễn Phạm Nhật Trường	CNCL2019.3	8.37	100	Giỏi
61.	19522517	Nguyễn Hoàng Việt	CNCL2019.3	8.01	100	Giỏi
62.	20520581	Châu Nhật Gia Khiêm	CNCL2020.1	8.12	96	Giỏi
63.	20520739	Nguyễn Hoàng Phú Sỹ	CNCL2020.1	8.51	91	Giỏi
64.	20521061	Đỗ Trần Mai Anh	CNCL2020.1	8.03	100	Giỏi
65.	20521062	Dương Thị Ngọc Anh	CNCL2020.1	8.65	100	Giỏi
66.	20521067	Lê Thị Lan Anh	CNCL2020.1	8.18	86	Giỏi
67.	20521106	Nguyễn Văn Gia Bảo	CNCL2020.1	8.45	81	Giỏi
68.	20521125	Lê Khánh Châu	CNCL2020.1	8.76	100	Giỏi
69.	20521138	Nguyễn Văn Chọn	CNCL2020.1	8.01	100	Giỏi
70.	20521150	Phạm Quốc Cường	CNCL2020.1	9.49	100	Xuất sắc
71.	20521173	Nguyễn Trần Lĩnh Đạt	CNCL2020.1	8.85	90	Giỏi
72.	20521180	Trương Quốc Đạt	CNCL2020.1	8.44	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
73.	20521361	Đỗ Hữu Khánh Hưng	CNCL2020.1	8.18	90	Giỏi
74.	20521598	Huỳnh Tuấn Minh	CNCL2020.2	8.9	96	Giỏi
75.	20521687	Đinh Thị Ánh Nguyệt	CNCL2020.2	8.88	100	Giỏi
76.	20521700	Nguyễn Thanh Nhàn	CNCL2020.2	8.47	99	Giỏi
77.	20521749	Trần Thanh Phong	CNCL2020.2	8.84	100	Giỏi
78.	20521762	Lê Hoàng Phúc	CNCL2020.2	8.64	100	Giỏi
79.	20521799	Vũ Hoàng Quân	CNCL2020.2	8.08	91	Giỏi
80.	20521803	Lê Đình Thạch Quang	CNCL2020.2	8.05	100	Giỏi
81.	20521850	Trần Văn Sơn	CNCL2020.2	8.49	100	Giỏi
82.	20521863	Trần Võ Tấn Tài	CNCL2020.2	8.95	100	Giỏi
83.	20521943	Tống Thanh Thi	CNCL2020.2	8.11	100	Giỏi
84.	20521955	Lê Thị Thiệp	CNCL2020.2	8.51	100	Giỏi
85.	20522044	Bùi Công Tri	CNCL2020.2	8.25	100	Giỏi
86.	20522055	Trần Đức Trí	CNCL2020.2	8.09	100	Giỏi
87.	20522102	Trần Đức Tú	CNCL2020.2	8.03	84	Giỏi
88.	20522128	Võ Huỳnh Anh Tuấn	CNCL2020.2	8.08	85	Giỏi
89.	20522134	Huỳnh Thị Bích Tuyền	CNCL2020.2	8.55	100	Giỏi
90.	20522166	Nguyễn Xuân Anh Vũ	CNCL2020.2	8.04	100	Giỏi
91.	20522169	Võ Huỳnh Anh Vũ	CNCL2020.2	8.07	96	Giỏi
92.	20522182	Phạm Khánh Vy	CNCL2020.2	8.39	100	Giỏi
93.	21520138	Lê Nguyễn Nhật Anh	CNCL2021.1	8.15	100	Giỏi
94.	21520642	Phạm Doãn Cảnh	CNCL2021.1	8	100	Giỏi
95.	21520703	Nguyễn Tấn Đạt	CNCL2021.1	8.16	100	Giỏi
96.	21520829	Trần Anh Hào	CNCL2021.1	8.62	100	Giỏi
97.	21520857	Phạm Văn Hiếu	CNCL2021.1	8.43	100	Giỏi
98.	21521144	Trần Tuyết Minh	CNCL2021.1	8.2	100	Giỏi
99.	21521268	Nguyễn Thành Phi	CNCL2021.1	8.57	100	Giỏi
100.	21521486	Bùi Thị Anh Thư	CNCL2021.1	8.59	100	Giỏi
101.	21521667	Phan Vỹ Văn	CNCL2021.1	8.56	100	Giỏi
102.	21521804	Hồ Vũ An	CNCL2021.1	8.02	85	Giỏi
103.	21521818	Hồ Tấn Anh	CNCL2021.1	9.11	100	Xuất sắc
104.	21521840	Trần Nguyễn Tuấn Anh	CNCL2021.1	8.34	100	Giỏi
105.	21521846	Huỳnh Hải Băng	CNCL2021.1	8.11	100	Giỏi
106.	21521859	Phạm Văn Thanh Bảo	CNCL2021.1	8.06	100	Giỏi
107.	21521978	Nguyễn Tấn Dũng	CNCL2021.1	8.01	100	Giỏi
108.	21522019	Âu Trường Giang	CNCL2021.1	8.02	100	Giỏi
109.	21522039	Trần Lê Khánh Hân	CNCL2021.2	8.76	100	Giỏi
110.	21522055	Phan Công Hậu	CNCL2021.2	8.77	100	Giỏi
111.	21522081	Lê Tấn Hòa	CNCL2021.2	8.12	100	Giỏi
112.	21522098	Phạm Huy Hoàng	CNCL2021.2	8	100	Giỏi
113.	21522120	Nguyễn Thế Hưng	CNCL2021.2	8.05	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
114.	21522141	Hoàng Gia Huy	CNCL2021.2	8.23	98	Giỏi
115.	21522145	Lê Công Quốc Huy	CNCL2021.2	8.52	100	Giỏi
116.	21522168	Trần Minh Huy	CNCL2021.2	9.32	100	Xuất sắc
117.	21522191	Lý Nam Kháng	CNCL2021.2	8.14	100	Giỏi
118.	21522219	Đỗ Nguyễn Anh Khoa	CNCL2021.2	8.99	100	Giỏi
119.	21522315	Nguyễn Thị Cẩm Ly	CNCL2021.2	8.05	96	Giỏi
120.	21522344	Nguyễn Quang Minh	CNCL2021.2	8.16	100	Giỏi
121.	21522405	Nguyễn Thị Nhàn	CNCL2021.2	8.7	90	Giỏi
122.	21522411	Trần Trọng Nhân	CNCL2021.2	9.17	100	Xuất sắc
123.	21522496	Nguyễn Minh Quân	CNCL2021.2	8.98	100	Giỏi
124.	21522517	Phạm Minh Quang	CNCL2021.2	8.92	100	Giỏi
125.	21522536	Nguyễn Phan Trúc Quỳnh	CNCL2021.2	8.88	100	Giỏi
126.	21522544	Nguyễn Ngọc Thanh Sang	CNCL2021.2	8.16	100	Giỏi
127.	21522557	Trần Thanh Sơn	CNCL2021.2	8.19	100	Giỏi
128.	21522578	Đào Duy Thái	CNCL2021.2	8.37	88	Giỏi
129.	21522582	Trần Duy Thái	CNCL2021.2	8.16	100	Giỏi
130.	21522676	Nguyễn Thành Tín	CNCL2021.2	8.94	100	Giỏi
131.	21522677	Nguyễn Trí Tín	CNCL2021.2	9.09	100	Xuất sắc
132.	21522681	Phạm Đăng Tỉnh	CNCL2021.2	8.88	100	Giỏi
133.	21522712	Phạm Minh Triết	CNCL2021.2	8.65	100	Giỏi
134.	21522747	Trịnh Tuấn Tú	CNCL2021.2	8.48	90	Giỏi
135.	21522755	Nguyễn Mạnh Tuấn	CNCL2021.2	8.14	93	Giỏi
136.	21522762	Trần Anh Tuấn	CNCL2021.2	8.7	98	Giỏi
137.	21522776	Trịnh Kiến Tường	CNCL2021.2	8.44	100	Giỏi
138.	21522798	Lương Triệu Hoàng Vũ	CNCL2021.2	8.3	90	Giỏi
139.	21522804	Phạm Hoài Vũ	CNCL2021.2	8.87	100	Giỏi
140.	18520410	Nguyễn Ngọc Quí	CNTT2018	9.17	100	Xuất sắc
141.	18520834	Lê Quốc Huy	CNTT2018	8.5	100	Giỏi
142.	18520868	Nguyễn Thị Thúy Huỳnh	CNTT2018	8.9	100	Giỏi
143.	18521074	Ngân Văn Luyện	CNTT2018	9.1	100	Xuất sắc
144.	18521280	Trần Tuấn Phương	CNTT2018	8.33	96	Giỏi
145.	18521312	Tống Đình Quốc	CNTT2018	8.06	96	Giỏi
146.	19520023	Nguyễn Ngọc Minh Châu	CNTT2019	9.18	100	Xuất sắc
147.	19520052	Phạm Minh Đức	CNTT2019	8.29	96	Giỏi
148.	19520097	Hà Minh Hùng	CNTT2019	8.55	100	Giỏi
149.	19520102	Phó Khánh Hưng	CNTT2019	8.81	100	Giỏi
150.	19520152	Nguyễn Trần Hoàng Lợi	CNTT2019	8.22	100	Giỏi
151.	19520182	Lê Hoàng Nguyên	CNTT2019	9.24	100	Xuất sắc
152.	19520187	Phạm Hữu Khôi Nguyên	CNTT2019	8.33	100	Giỏi
153.	19520194	Vũ Ánh Nguyệt	CNTT2019	8.43	100	Giỏi
154.	19520203	Lê Thị Yến Nhi	CNTT2019	8.57	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
155.	19520299	Trần Hữu Tình	CNTT2019	8.59	96	Giỏi
156.	19520355	Nguyễn Lê Vinh	CNTT2019	9.29	100	Xuất sắc
157.	19520467	Đào Minh Đức	CNTT2019	8.32	100	Giỏi
158.	19520490	Nguyễn Ngọc Khương Duy	CNTT2019	9.02	100	Xuất sắc
159.	19520774	Nguyễn Tấn Nghĩa	CNTT2019	8.94	81	Giỏi
160.	19520800	Ngô Hữu Nhân	CNTT2019	8.78	96	Giỏi
161.	19520973	Nguyễn Thế Thiện	CNTT2019	8.4	100	Giỏi
162.	19521179	Nguyễn Duy An	CNTT2019	9.05	100	Xuất sắc
163.	19521185	Nguyễn Văn An	CNTT2019	9.15	100	Xuất sắc
164.	19521192	Đỗ Tuấn Anh	CNTT2019	8.65	100	Giỏi
165.	19521243	Nghiêm Chí Bảo	CNTT2019	8.21	85	Giỏi
166.	19521257	Trần Đức Bảo	CNTT2019	8.64	100	Giỏi
167.	19521259	Trần Khánh Quang Bảo	CNTT2019	8.2	81	Giỏi
168.	19521266	Nguyễn Thanh Bình	CNTT2019	8.04	96	Giỏi
169.	19521275	Bùi Thị Diễn Châu	CNTT2019	8.67	100	Giỏi
170.	19521286	Phạm Kim Chiến	CNTT2019	8.46	96	Giỏi
171.	19521292	Trần Bình Chương	CNTT2019	8.77	100	Giỏi
172.	19521319	Trần Phan Hải Đăng	CNTT2019	8.08	100	Giỏi
173.	19521441	Trương Mỹ Duyên	CNTT2019	9.01	100	Xuất sắc
174.	19521451	Trần Ngọc Giao	CNTT2019	9.03	98	Xuất sắc
175.	19521459	Đặng Ngô Hồng Hải	CNTT2019	8.96	96	Giỏi
176.	19521460	Đỗ Hải	CNTT2019	8.08	100	Giỏi
177.	19521485	Phạm Phúc Hậu	CNTT2019	8.89	100	Giỏi
178.	19521509	Nguyễn Văn Hiếu	CNTT2019	8.67	100	Giỏi
179.	19521522	Võ Hồng Hòa	CNTT2019	8.29	96	Giỏi
180.	19521641	Võ Sỹ Huy	CNTT2019	8.44	100	Giỏi
181.	19521668	Phạm Hoàng Khang	CNTT2019	8.37	100	Giỏi
182.	19521707	Lê Khôi	CNTT2019	8.74	100	Giỏi
183.	19521712	Nguyễn Khuê	CNTT2019	8.57	100	Giỏi
184.	19521733	Võ Thị Như Lài	CNTT2019	8.75	96	Giỏi
185.	19521769	Mai Phước Lợi	CNTT2019	8.09	100	Giỏi
186.	19521789	Nguyễn Hữu Long	CNTT2019	8.36	100	Giỏi
187.	19521817	Hoàng Phạm Như Lý	CNTT2019	8.02	88	Giỏi
188.	19521819	Trần Hồng Cẩm Ly	CNTT2019	8.23	100	Giỏi
189.	19521968	Phạm Nguyễn Quỳnh Nhi	CNTT2019	8.57	90	Giỏi
190.	19521972	Võ Đoàn Kim Như	CNTT2019	8.79	100	Giỏi
191.	19521977	Trần Nhựt	CNTT2019	8.69	100	Giỏi
192.	19521998	Nguyễn Trọng Phát	CNTT2019	8.66	100	Giỏi
193.	19522021	Nguyễn Công Phú	CNTT2019	8.41	81	Giỏi
194.	19522068	Thị Kim Phương	CNTT2019	8.42	100	Giỏi
195.	19522109	Nguyễn Viết Quý	CNTT2019	8.89	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
196.	19522171	Huỳnh Đắc Nhật Tân	CNTT2019	8.15	100	Giỏi
197.	19522187	Ngô Gia Thái	CNTT2019	8.6	100	Giỏi
198.	19522197	Lê Đức Thắng	CNTT2019	8.63	81	Giỏi
199.	19522226	Hoàng Kim Thành	CNTT2019	8.5	96	Giỏi
200.	19522261	Ngô Đức Thiện	CNTT2019	8.51	96	Giỏi
201.	19522268	Trần Văn Thiên	CNTT2019	8.1	100	Giỏi
202.	19522308	Nguyễn Thị Minh Thư	CNTT2019	8.97	90	Giỏi
203.	19522343	Trần Ngọc Mỹ Tiên	CNTT2019	8.69	100	Giỏi
204.	19522354	Bùi Văn Tình	CNTT2019	8.77	100	Giỏi
205.	19522405	Nguyễn Thị Mai Trinh	CNTT2019	8.73	100	Giỏi
206.	19522527	Trần Thảo Vinh	CNTT2019	8.43	96	Giỏi
207.	20520145	Hoàng Ngọc Cư	CNTT2020	8.71	100	Giỏi
208.	20520203	Nguyễn Gia Huy	CNTT2020	8.09	100	Giỏi
209.	20520225	Nguyễn Đỗ Nhã Khuyên	CNTT2020	8.96	100	Giỏi
210.	20520235	Lê Tấn Lộc	CNTT2020	8.12	100	Giỏi
211.	20520238	Châu Nhựt Long	CNTT2020	8.13	100	Giỏi
212.	20520258	Phan Thành Nhân	CNTT2020	8.42	100	Giỏi
213.	20520280	Võ Trần Thiên Phúc	CNTT2020	8.72	100	Giỏi
214.	20520319	Võ Lục Thanh Trà	CNTT2020	8.41	100	Giỏi
215.	20520334	Nguyễn Thành Trung	CNTT2020	9.39	100	Xuất sắc
216.	20520405	Phạm Bá Bằng	CNTT2020	8.25	90	Giỏi
217.	20520433	Lâm Quốc Đạt	CNTT2020	8.04	100	Giỏi
218.	20520469	Nguyễn Đức Duy	CNTT2020	8.41	100	Giỏi
219.	20520510	Đặng Thái Hòa	CNTT2020	8.5	100	Giỏi
220.	20520570	Phan Hoàng Bảo Khang	CNTT2020	8.24	90	Giỏi
221.	20520584	Nguyễn Anh Khoa	CNTT2020	8.47	100	Giỏi
222.	20520623	Nguyễn Đào Minh Long	CNTT2020	8.29	96	Giỏi
223.	20520681	Quách Kiều Oanh	CNTT2020	8.14	100	Giỏi
224.	20520792	Trần Thị Anh Thư	CNTT2020	8.35	100	Giỏi
225.	20520856	An Trương Tường Vi	CNTT2020	8.46	100	Giỏi
226.	20521097	Đoàn Quốc Bảo	CNTT2020	8.73	100	Giỏi
227.	20521153	Lê Minh Đại	CNTT2020	8.1	100	Giỏi
228.	20521301	Phạm Hoàng Minh Hậu	CNTT2020	8.3	90	Giỏi
229.	20521368	Nguyễn Minh Hùng	CNTT2020	8.59	100	Giỏi
230.	20521427	Nguyễn Tuấn Kha	CNTT2020	8.14	84	Giỏi
231.	20521453	Phạm Đức Khánh	CNTT2020	8.58	100	Giỏi
232.	20521460	Vòng Chanh Khìn	CNTT2020	8.62	90	Giỏi
233.	20521510	Nguyễn Quốc Kỳ	CNTT2020	8.71	100	Giỏi
234.	20521514	Lê Quang Lâm	CNTT2020	8.05	100	Giỏi
235.	20521528	Đặng Bá Lĩnh	CNTT2020	9.29	90	Xuất sắc
236.	20521571	Nguyễn Thành Long	CNTT2020	8.17	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
237.	20521589	Nguyễn Hữu Lương	CNTT2020	8.01	100	Giỏi
238.	20521631	Nguyễn Ngọc Nam	CNTT2020	8.51	100	Giỏi
239.	20521698	Nguyễn Lê Trọng Nhân	CNTT2020	8.56	100	Giỏi
240.	20521725	Phạm Thị Huyền Nhung	CNTT2020	8.26	100	Giỏi
241.	20521734	Nguyễn Công Tấn Phát	CNTT2020	9	100	Xuất sắc
242.	20521752	Huỳnh Gia Phú	CNTT2020	8.67	100	Giỏi
243.	20521947	Lê Văn Thiện	CNTT2020	8.7	100	Giỏi
244.	20522065	Võ Thùy Phương Trúc	CNTT2020	8.78	100	Giỏi
245.	20522074	Nguyễn Thành Trung	CNTT2020	8.83	100	Giỏi
246.	20522179	Lưu Thượng Vỹ	CNTT2020	8.03	100	Giỏi
247.	21520009	Lâm Thị Hồng Cẩm	CNTT2021	8.97	100	Giỏi
248.	21520068	Nguyễn Thị Kim Ngân	CNTT2021	8.31	94	Giỏi
249.	21520081	Đặng Quỳnh Như	CNTT2021	8.54	100	Giỏi
250.	21520121	Lê Thanh Tùng	CNTT2021	8.4	90	Giỏi
251.	21520159	Trần Lê Gia Bảo	CNTT2021	8.14	100	Giỏi
252.	21520235	Phạm Quang Hiếu	CNTT2021	8.61	95	Giỏi
253.	21520319	Lý Phi Lân	CNTT2021	9.13	100	Xuất sắc
254.	21520330	Trương Thiên Lộc	CNTT2021	8.61	100	Giỏi
255.	21520360	Đỗ Phú Nghĩa	CNTT2021	8.49	100	Giỏi
256.	21520372	Hoàng Phi Nhân	CNTT2021	8.87	96	Giỏi
257.	21520386	Võ Thị Tố Như	CNTT2021	8.03	90	Giỏi
258.	21520390	Trần Nhựt Phát	CNTT2021	8.7	100	Giỏi
259.	21520419	Phạm Ngọc Quí	CNTT2021	8.64	100	Giỏi
260.	21520442	Đặng Huỳnh Vĩnh Tân	CNTT2021	9.28	100	Xuất sắc
261.	21520475	Huỳnh Nhã Thy	CNTT2021	8.41	100	Giỏi
262.	21520504	Phan Đình Thế Trung	CNTT2021	8.89	100	Giỏi
263.	21520506	Nguyễn Long Trường	CNTT2021	9.06	100	Xuất sắc
264.	21520565	Lê Quốc Anh	CNTT2021	8.26	95	Giỏi
265.	21520578	Nguyễn Thị Vân Anh	CNTT2021	8.43	100	Giỏi
266.	21520694	Đỗ Thành Đạt	CNTT2021	8.07	90	Giỏi
267.	21520710	Phạm Thanh Đạt	CNTT2021	8.74	100	Giỏi
268.	21520725	Bùi Lê Trọng Đức	CNTT2021	8.98	100	Giỏi
269.	21520762	Phan Thanh Dương	CNTT2021	8.94	100	Giỏi
270.	21520766	Đặng Quốc Duy	CNTT2021	8.76	100	Giỏi
271.	21520796	Bùi Yến Giàu	CNTT2021	8.13	100	Giỏi
272.	21520797	Bùi Đức Hà	CNTT2021	8.12	100	Giỏi
273.	21520850	Lê Trung Hiếu	CNTT2021	9.03	100	Xuất sắc
274.	21520895	Nguyễn Hoàng Hưng	CNTT2021	8.43	100	Giỏi
275.	21520905	Nguyễn Thị Thu Hương	CNTT2021	8.61	100	Giỏi
276.	21520949	Nguyễn Viết Kha	CNTT2021	8.52	100	Giỏi
277.	21520984	Trần Đình Khánh	CNTT2021	9.16	100	Xuất sắc

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
278.	21521046	Lê Văn Cao Kỳ	CNTT2021	8.83	100	Giỏi
279.	21521116	Lê Đức Mạnh	CNTT2021	8.61	100	Giỏi
280.	21521129	Ngô Võ Quang Minh	CNTT2021	8.74	100	Giỏi
281.	21521247	Trần Thị Tâm Như	CNTT2021	8.48	90	Giỏi
282.	21521260	Nguyễn Tấn Phát	CNTT2021	8.7	100	Giỏi
283.	21521308	Nguyễn Hoài Phương	CNTT2021	8.4	100	Giỏi
284.	21521374	Phạm Như Quỳnh	CNTT2021	8.81	100	Giỏi
285.	21521415	Nguyễn Nhật Tấn	CNTT2021	9.21	90	Xuất sắc
286.	21521416	Phạm Mạnh Tấn	CNTT2021	9.25	100	Xuất sắc
287.	21521472	Nguyễn Tiến Thịnh	CNTT2021	8.5	100	Giỏi
288.	21521525	Lý Văn Nhật Tiến	CNTT2021	8.28	100	Giỏi
289.	21521542	Lương Quốc Toàn	CNTT2021	8.41	88	Giỏi
290.	21521592	Nguyễn Phú Trung	CNTT2021	8	90	Giỏi
291.	21521600	Huỳnh Sinh Trường	CNTT2021	8.49	100	Giỏi
292.	21521665	Nguyễn Cẩm Vân	CNTT2021	9.29	100	Xuất sắc
293.	21521698	Phan Nguyễn Hải Yến	CNTT2021	9	100	Xuất sắc
294.	21521750	Trương Khánh Long	CNTT2021	9.16	100	Xuất sắc
295.	21521819	Hoàng Hải Anh	CNTT2021	8.99	100	Giỏi
296.	21521864	Trần Ngô Gia Bảo	CNTT2021	8.41	100	Giỏi
297.	21521866	Trịnh Gia Bảo	CNTT2021	8.12	90	Giỏi
298.	21521952	Nguyễn Anh Dĩ	CNTT2021	8.33	81	Giỏi
299.	21522008	Phạm Thanh Duy	CNTT2021	9.17	100	Xuất sắc
300.	21522064	Nguyễn Văn Hiển	CNTT2021	8.31	100	Giỏi
301.	21522068	Dương Công Hiếu	CNTT2021	8.1	90	Giỏi
302.	21522070	Lê Công Hiếu	CNTT2021	8.77	100	Giỏi
303.	21522093	Nguyễn Huy Hoàng	CNTT2021	8.32	90	Giỏi
304.	21522132	Vi Thị Hương	CNTT2021	8.3	100	Giỏi
305.	21522140	Hồ Nhật Huy	CNTT2021	9.1	90	Xuất sắc
306.	21522162	Nguyễn Võ Hoàng Huy	CNTT2021	8.29	90	Giỏi
307.	21522244	Hà Đinh Kiên	CNTT2021	8.9	100	Giỏi
308.	21522260	Phạm Anh Kiệt	CNTT2021	8.56	95	Giỏi
309.	21522379	Nguyễn Anh Tuấn Ngọc	CNTT2021	8.22	100	Giỏi
310.	21522422	Bùi Xuân Nhi	CNTT2021	8.92	100	Giỏi
311.	21522436	Nguyễn Thị Hồng Nhung	CNTT2021	9.01	100	Xuất sắc
312.	21522512	Nguyễn Lê Tấn Quang	CNTT2021	8.35	100	Giỏi
313.	21522548	Ma Seo Sầu	CNTT2021	8.57	81	Giỏi
314.	21522588	Lê Nam Thắng	CNTT2021	8.03	90	Giỏi
315.	21522614	Nguyễn Chí Thi	CNTT2021	8.94	100	Giỏi
316.	21522719	Nguyễn Thị Thùy Trinh	CNTT2021	8.55	100	Giỏi
317.	21522739	Lê Thị Cẩm Tú	CNTT2021	8.58	100	Giỏi
318.	21522822	Nguyễn Anh Kiệt	CNTT2021	8.3	100	Giỏi

TT	Mã SV	Họ tên	Lớp	Điểm TBHK	ĐRL	Xếp loại
319.	21522824	Đào Nguyên Nhật Minh	CNTT2021	8.88	95	Giỏi
320.	18520339	Đặng Hoàng Quân	KHDL2018	9.4	100	Xuất sắc
321.	18520455	Nguyễn Đức Duy Anh	KHDL2018	9.4	100	Xuất sắc
322.	18520767	Võ Kiều Hoa	KHDL2018	9.5	100	Xuất sắc
323.	18520832	Lâm Gia Huy	KHDL2018	8.31	100	Giỏi
324.	18520938	Trần Nguyễn Anh Khoa	KHDL2018	9.33	100	Xuất sắc
325.	18521006	Dương Quốc Lộc	KHDL2018	9.42	100	Xuất sắc
326.	18521227	Trịnh Ngọc Pháp	KHDL2018	9.25	100	Xuất sắc
327.	18521384	Nguyễn Thị Thắm	KHDL2018	9.5	100	Xuất sắc
328.	18521470	Nguyễn Quang Thuận	KHDL2018	9.4	100	Xuất sắc

Danh sách gồm 328 sinh viên.